

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-4-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Thanh Kỳ - *Kiểm sát viên*

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1991

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1986

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà H tự nguyện chung sống với ông Nguyễn Văn M và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước vào năm 2008. Trước khi kết hôn hai bên đã tìm hiểu nhau trong thời gian 01 năm, sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tự lập tại ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, ông M cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân từ tháng 02/2018 cho đến nay. Nay bà H xin ly hôn với ông M.

- Về con chung: Bà H và ông M Có 02 con chung, con tên: Nguyễn Thành T, sinh ngày 02/9/2009 và con tên Nguyễn Gia B, sinh ngày: 04/7/2014. Khi ly hôn, bà H và ông M tự thỏa thuận về con chung và cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện bà H không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

- Về tài sản chung: Trước khi kết hôn bà H và ông M không bên nào có tài sản riêng. Tài sản chung hiện nay cũng không có.

- Về nợ: Bà H và ông M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

- Về hôn nhân: Ông M thống nhất với bà H về hôn nhân, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Tuy nhiên ông M không đồng ý ly hôn với bà H vì còn yêu thương vợ con.

- Về con chung: Thống nhất như bà H trình bày. Trong trường hợp có ly hôn thì ông M và bà H tự thỏa thuận về con chung và cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ: Ông M và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông M cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H

+ Về hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông M.

+ Về con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà H chịu án phí theo luật định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Bà H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông M. Xét ông M cư trú tại xã L, huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện L thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông M tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 25/11/2008 của Ủy ban nhân dân xã Lộc An nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông M là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà H và ông M đã phát sinh từ năm 2015 do ông M cờ bạc, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân từ tháng 02/2018 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. bà H xác định không còn tình cảm với ông M và cương quyết xin ly hôn. Ông M mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng từ khi phát sinh mâu thuẫn cho đến nay vẫn không có biện pháp hóa giải mâu thuẫn giữa vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà H và ông M không có khả năng hàn gắn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[4] Về con chung: Bà H và ông M Có 02 con chung, con tên: Nguyễn Thành T, sinh ngày 02/9/2009 và con tên Nguyễn Gia B, sinh ngày: 04/7/2014. Tuy nhiên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[7]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn M

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

5. Về án phí: Bà H chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu số 0005756 ngày 26/3/2018.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã L;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Khánh Duyên